TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 13-03-2020
V/v tranh chấp tiền trong hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

Trong ngày 13 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp tiền trong hợp đồng hợp tác

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ng (vắng mặt)

2.2. Anh Nguyễn Duy Ph (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Khoảng năm 2017, anh Đ cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Ng cùng em trai là anh Nguyễn Duy Ph có góp vốn mua bộ giàn khoan đất để khoan mướn. Bộ giàn khoan có tổng trị giá 100.000.000 đồng.

Sau khi mua, anh Đ là người trực tiếp khoan thuê. Tuy nhiên, làm một thời gian, thì công việc không còn được thuận lợi. Bên cạnh đó, tình cảm mẹ con cũng bị ảnh hưởng dẫn đến nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, anh Đ đề nghị mẹ và em trai hoàn trả phần tiền gốc là 21.000.000 đồng tiền góp vốn. Đến ngày 07/6/2018, Ủy ban nhân dân xã B tiến hành hòa giải, thì mẹ và em trai cũng đồng ý hoàn trả cho anh Đ 21.000.000 đồng. Còn anh Đ thì giao lại toàn bộ giàn khoan đất cho mẹ và em trai. Tuy nhiên, đến hẹn trả tiền, thì mẹ và em trai không trả tiền cho anh Đ như đã thỏa thuận.

Vì vậy, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng và em Ph phải liên đới hoàn trả tiền góp vốn mua giàn khoan đất với số tiền là 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Đ vẫn bảo lưu ý kiến như được trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ng và anh Ph được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Tuy bà Ng và anh Ph không có ý kiến, nhưng qua chứng cứ do phía anh Đ cung cấp, xác định được, anh Đ cùng mẹ ruột là bà Ng và em trai là anh Ph có thỏa thuận miệng với nhau về việc góp vốn mua giàn khoan đất. Quá trình khoan đất, giữa anh Đ với bà Ng và anh Ph phát sinh tranh chấp. Tại cuộc hòa giải ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, bà Ng và anh Ph đồng ý hoàn trả cho anh Đ phần vốn góp mua giàn khoan là 21 triệu đồng sau 45 ngày kể từ ngày hòa giải, anh Đ có trách nhiệm bàn giao giàn khoan đất lại cho bà Ng và anh Ph.

[3] Theo anh Đ xác định, đến hẹn theo cam kết, bà Ng và anh Ph không thực hiện thanh toán số tiền nói trên cho anh Đ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Phía bà Ng và anh Ph được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến gì khác. Vì vậy, anh Đ khởi kiện yêu cầu bà Ng và anh Ph thực hiện nghĩa vụ trả nợ được chấp nhận, cần buộc bà Ng và anh Ph phải liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đ 21.000.000 đồng là khoản tiền góp vốn mua giàn khoan đất. Trong đó, phần nghĩa vụ thanh toán của bà Ng và của anh Ph là bằng nhau tương ứng với số tiền 10.500.000 đồng. Trường hợp chậm thanh toán, bà Ng và anh Ph còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Ng và anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%. Trả lại cho anh Đ khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[5] Tại phiên tòa: Anh Đ có mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Bà Ng và anh Ph vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 510 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Duy Ph.

2. Buộc bà Ng và anh Ph phải liên đới hoàn trả cho anh Đ khoản tiền góp vốn mua giàn khoan đất với số tiền là 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng). Trong đó,

phần của bà Ng phải thanh toán là 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng; phần của anh Ph phải thanh toán là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn) đồng.

3. Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà Ng và anh Ph không chịu thanh toán khoản tiền nói trên cho anh Đ, thì hàng tháng, bà Ng và anh Ph còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Bà Ng phải chịu 525.000 (năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Anh Ph phải chịu 525.000 (năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

6. Trả lại cho anh Đ 525.000 (năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010808 ngày 13/12/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

7. Anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Ng và anh Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế